

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/KDTM-ST
Ngày: 06-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hải

Bà Lê Thị Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (viết tắt: Ngân hàng S2); Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch DChức vụ: Tổng Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Vĩnh P, chức vụ: Chuyên viên quản lý tín dụng-Ngân hàng TMCP S1-Chi nhánh L1-Phòng G;

Địa chỉ liên hệ: Số A Đường N, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An;

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/12/2023)

- Bị đơn: Công ty cổ phần D1 (trước đây là Công ty TNHH D1, viết tắt: Công ty D1);

Địa chỉ trụ sở: Số A Đường H, khu phố X, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P1, chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Số A Đường H, khu phố X, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

(các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2023, đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 do ông Ngô Vĩnh P đại diện trình bày:

Ngày 14/8/2020, Công ty cổ phần D1 (trước đây là Công ty TNHH D1) do Công ty D1 làm Giám đốc có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng phát hành Thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Công ty, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng như sau: Hạn mức sử dụng là: 100.000.000 đồng; mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất thẻ: 1,83 %/tháng. Phương thức thanh toán: Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Ngày 30/8/2020, Công ty D1 và Ngân hàng S2 xác lập giao dịch hạn mức thẻ tín dụng cho cán bộ nhân viên. Theo đó, ông P1 là giám đốc của Công ty D1 được cấp hạn mức thẻ tín dụng (gọi là chủ thẻ phụ) theo chỉ định của Công ty D1 (chủ thẻ chính, cụ thể: Công ty D1 và ông Nguyễn Thanh P1 được cấp cùng một tài khoản sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 100.000.000 đồng (được cấp làm hai thẻ gồm 111111-5727 và 461137-7558).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Công ty D1 và ông P1 đã thực hiện các giao dịch hạn mức với tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, trong quá trình sử dụng thẻ Công ty đã không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Nguyên tắc thanh toán căn cứ theo khoản 3 Điều 8 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp.

Theo Điều 1 của Điều khoản điều kiện phát hành thẻ tín dụng doanh nghiệp của Ngân hàng S2 có hiệu lực từ ngày 29/11/2019, tổng dư nợ được xác định là tổng số tiền mà chủ thẻ chính (Công ty D1) phải thanh toán cho Ngân hàng S2 là bao gồm toàn bộ dư nợ thẻ của chủ thẻ chính và dư nợ thẻ của cán bộ nhân viên Công ty (ông Nguyễn Thanh P1).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Công ty vẫn không có thiện chí trả nợ và ông P1 cố tình lẩn tránh nhân viên Ngân hàng. Do Công ty D1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (khoản 5 Điều 8 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp) từ ngày 05/7/2023.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở và đã tạo điều kiện về thời gian để Công ty trả nợ nhưng Công ty vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng S2 khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty D1 có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng S2 tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/5/2024 là 142.616.271 đồng, trong đó: dư nợ là 108.747.851 đồng, lãi vay: 33.868.420 đồng. Công ty D1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ sau ngày 10/5/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn Công ty D1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P1 theo địa chỉ đã cung cấp cho Ngân hàng nhưng đại diện bị đơn cũng như ông P1 đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ do Ngân hàng TMCP S1 cung cấp gồm các bản sao gồm hợp đồng tín dụng có xác nhận của Công ty D1, sao kê tài khoản, các tài liệu kèm theo và biên bản làm việc về xử lý nợ quá hạn có chữ ký của ông Nguyễn Thanh P1 cho thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty D1 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 06/8/2024 là 151.382.215 đồng; trong đó nợ gốc là 108.747.851 đồng, lãi vay tạm tính đến ngày 06/8/2024 là 42.634.364 đồng. Công ty D1 còn tiếp tục chịu lãi chậm trả từ ngày 07/8/2024 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP S1 có đơn khởi kiện tranh chấp đối với Công ty D1 có địa chỉ trụ sở tại Phường F, thành phố T, tỉnh Long An về yêu

cầu trả số nợ còn thiếu trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào các điều: 30,35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền với Ngân hàng S2, Công ty D1 có tên gọi là Công ty TNHH D1; sau đó, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty cổ phần D1, cùng mã số doanh nghiệp là 1101889203; đồng thời có cùng người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh P1. Tại văn bản ngày 26/4/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cung cấp tình trạng pháp lý của doanh nghiệp: không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký. Tòa án xác định bị đơn trong vụ án là Công ty cổ phần D1 và ông Nguyễn Thanh P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[4.1] Công ty D1 có ký kết với Ngân hàng TMCP S1 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp ngày 14/8/2020 và Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp ngày 30/8/2020, hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng. Tại Điều 1 của Hợp đồng ngày 30/8/2020 đã ghi “S2 cấp HMTD Chủ thẻ chính dùng để phát hành thẻ cho các cán bộ công nhân viên của Bên A. Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm thanh toán tổng dư nợ theo Thông báo giao dịch do S2 gửi hàng tháng”. Tại Điều 2 của Hợp đồng đã ghi “...S2 có quyền khấu trừ, cộng dồn HMTD Chủ thẻ chính vào bất kỳ hạn mức cấp tín dụng nào đã hoặc sẽ cấp cho Bên A”... Đồng thời Điều của Hợp đồng quy định về trách nhiệm thanh toán của Bên A như sau “Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm thanh toán tổng dư nợ cho đến khi thanh toán đầy đủ cho S2 mà không cần có bằng chứng hóa đơn được ký hay chứng từ khác”.

[4.2] Quá trình sử dụng hạn mức tín dụng được cấp, Công ty D1 và ông Nguyễn Thanh P1 đã giao dịch nhiều lần tại số thẻ 461137-7558 và 111111-5727 nhưng sau đó không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng S2. Đến ngày 05/7/2023, S2 đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn gồm thẻ số 461137-7558 là 107.923.326 đồng và thẻ số 111111-5727 là 824.525 đồng, tổng cộng dư nợ gốc mà Công ty D1 còn thiếu là 108.747.851 đồng.

[4.3] Ngày 17/7/2023, Ngân hàng S2-Phòng G đã có thông báo về việc thu hồi nợ vay trước hạn đối với Công ty D1. Tại Biên bản làm việc ngày 07/8/2023 giữa đại diện Ngân hàng S2 với đại diện theo pháp luật của Công ty D1 thể hiện Công ty D1 cam kết đến ngày 07/11/2023 sẽ thanh toán hết nợ gốc, nợ lãi còn nợ tại Ngân hàng S2 nhưng Công ty D1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo

cam kết đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng S2, đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết.

[4.4] Công ty D1 còn nợ của Ngân hàng S2 dư nợ gốc là 108.747.851 đồng, dư nợ lãi là 42.634.364 đồng; tạm tính đến ngày xét xử, Công ty D1 còn nợ Ngân hàng S2 số tiền 151.382.215 đồng.

[4.5] Do đó, Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện yêu cầu Công ty D1 trả số tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận: Buộc Công ty D1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S2 số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/8/2024 là 151.382.215 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí với số tiền 7.569.111 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: 30, 35, 39, 147, 156, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 số nợ đã vay và còn thiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp ngày 14/8/2020 và Hợp đồng ngày 30/8/2020 gồm nợ gốc là 108.747.851 đồng, lãi vay tạm tính đến ngày 06/8/2024 là 42.634.364 đồng, tổng cộng: 151.382.215 đồng.

Kể từ ngày 07/8/2024, Công ty D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty D1 phải chịu 7.569.111 đồng;

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.130.000 đồng theo biên lai thu số 0001342 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn